

Số: 69/2020/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 03 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L1 HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N sinh năm 1993; địa chỉ xóm 5, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1989; địa chỉ xóm 10, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện L1 hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình L1 hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện L1 hôn và hoà giải thành ngày 26/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện L1 hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình L1 hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị N và anh T đều trình bày vợ chồng có 01 con là cháu Nguyễn Khánh L (tên trong sổ hộ khẩu là Nguyễn Khánh L1) sinh ngày 08/9/2016. Chị N và anh T thỏa thuận giao cháu L (L1) cho N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu L (L1) trưởng thành; anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu L (L1) trưởng thành.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L (L1) được sống chung với chị N và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu L (L1); chị N không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu L (L1).

Về tài sản: Chị N và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị N và anh T thỏa thuận chị N nộp toàn bộ án phí L1 hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002267 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị N đã nộp đủ án phí L1 hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã K A
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực